

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 401/2022/HC-PT

Ngày: 08/9/2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 12/2022/TLPT-HC ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2021/HC-ST ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8124/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị S, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Đ, xã NT, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Văn Ngọc và luật sư Ngô Thành Ba – Công ty luật TNHH Niềm Tin Công Lý, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Hội nhà báo đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Luật sư Ba có mặt, luật sư Ngọc vắng mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trọng L – Phó Chủ tịch; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã NT, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Văn L – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Văn C – Cán bộ địa chính xã NT; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn Đ, xã NT, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1978; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Chiến T, sinh năm 1980; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã NT, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, anh C, anh T, anh Thêm: Anh Nguyễn Văn H; vắng mặt.

- Ông Trần Văn B, sinh năm 1957; có mặt.

- Chị Trần Thị N, sinh năm 1987; vắng mặt.

- Chị Bằng Thị Thu T, sinh năm 1990; vắng mặt.

- Anh Bằng Bắc Hải, sinh năm 1994; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã NT, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyệt, chị Trang, anh Hải: Bà Trần Thị S; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Trần Thị S đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B, chị Trần Thị N, chị Bằng Thị Thu T, anh Bằng Bắc Hải trình bày:

Trong các năm 2015, 2016 nhiều lần bà có đơn kiến nghị đến UBND xã NT và UBND thị xã PY (nay là thành phố PY) về phần diện tích đất 413,3m² tại Thôn Đ, xã NT, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc nằm trong tổng diện tích đất vườn khoảng 4670,3m² của gia đình bà, có nguồn gốc thửa đất vườn trên là gia đình bà được chia từ năm 1986 và chính thức được giao theo sổ lâm bạ ngày 01/12/1989, có số thứ tự sổ 13 (ký hiệu 12/4670,3) của Lâm Trường Sóc Sơn.

Sau khi được giao gia đình bà trồng cây bạch đàn, keo, chè và sử dụng liên tục đến năm 2014 thì gia đình bà Nguyễn Thị T (Hoa) đem bán cây của gia đình bà trên phần đất 413,3m² cho người khác và san ủi vườn, khi biết sự việc gia đình bà

yêu cầu bà T trả lại đất cho gia đình bà nhưng bà T không trả, gia đình bà làm đơn ra UBND thị xã PY để giải quyết. Ngày 24/8/2017 Chủ tịch UBND thị xã PY (nay là thành phố PY) đã ban hành quyết định số 1934/QĐ-CT ngày 24/8/2017 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị S với bà Nguyễn Thị T tại thôn Đ, xã NT, thị xã PY với nội dung cho rằng: Diện tích 413,3m² mà bà Trần Thị S và bà Nguyễn Thị T tranh chấp thuộc tờ bản đồ số 163, không thể hiện số ô số thửa, loại đất nông nghiệp thuộc UBND xã NT quản lý (được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao theo quyết định số 2911/QĐ-CT ngày 06/8/2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc bàn giao diện tích đất của xí nghiệp Nông lâm nghiệp Mê Linh T80 cho UBND xã NT). Việc bà Trần Thị S đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với hộ bà Nguyễn Thị T đối với diện tích 413,3m² là không có cơ sở xem xét giải quyết, vì theo hồ sơ phần diện tích đất trên là do UBND xã NT quản lý. Việc ra quyết định giải quyết tranh chấp trên đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Bà khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 1934/QĐ-CT ngày 24/8/2017 của Chủ tịch UBND thị xã PY về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị S với bà Nguyễn Thị T tại thôn Đ, xã NT, thị xã PY, buộc Chủ tịch UBND thành phố PY đính chính lại thông tin thửa đất, thông tin người sử dụng đất cho bà trong hồ sơ địa chính đang được UBND xã NT và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố PY đang quản lý.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Hoàng Trọng L trình bày: Theo kết luận báo cáo của UBND xã NT cho biết nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp giữa bà Trần Thị S và bà Nguyễn Thị T thuộc đất của Xí nghiệp Nông lâm nghiệp Mê Linh T80 sử dụng đất năm 2003 thì Xí nghiệp giải thể và bàn giao cho UBND xã NT quản lý, nhiều lần UBND xã NT mời các bên liên quan đến làm việc và yêu cầu cung cấp giấy tờ về quyền sử dụng đất tại vị trí tranh chấp nhưng các bên đều không cung cấp được giấy tờ, tài liệu liên quan đến quyền sử dụng đất tại vị trí đang tranh chấp. Do vậy, UBND xã NT không có căn cứ, cơ sở để xem xét, giải quyết và kết quả xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố PY xác định: Hiện trạng thực địa vị trí đất đang có tranh chấp: Phía Bắc giáp đất sân Golf, phía Nam giáp đất bà T, bà Phúc, ông T4, Phía Đông giáp đất bà Phúc, Phía Tây giáp khoảng đất trống (rộng khoảng 70cm) tiếp giáp đất nhà ông Đỗ Hoàng T3 (ông T3 nhận chuyển nhượng đất của ông Trần Văn B là chồng bà S năm 2002, có xác nhận của UBND xã NT). Hiện trạng thửa đất đang tranh chấp có cây bạch đàn chồi không có lối vào. Diện tích đất tranh chấp khoảng 432m² trong đó:

Phần chồng lấn lên thửa đất của bà T (theo sổ mục kê và bản đồ địa chính đo năm 1998) với diện tích khoảng 13,5m².

Phần chồng lấn lên thửa đất nhà ông T4 (theo sổ mục kê và bản đồ địa chính đo năm 1998) với diện tích khoảng 5,2m².

Phần diện tích còn lại khoảng 413m² nằm trong quyết định số 2911/QĐ-CT ngày 06/8/2003 về việc bàn giao diện tích đất của Xí nghiệp Nông lâm nghiệp T80 cho UBND xã NT.

Và kết quả kiểm tra hồ sơ địa chính được đo vẽ năm 1998 tại vị trí đất đang tranh chấp thể hiện một phần diện tích đất khoảng 13,5m² nằm tại thửa 310, tờ bản đồ số 163 theo sổ mục kê quy chủ tên chủ sử dụng đất là Nguyễn Thị T, một phần diện tích đất khoảng 5,2m² nằm tại thửa 311, tờ bản đồ số 163 theo sổ mục kê quy chủ sử dụng đất là Nguyễn Văn T4, phần còn lại không thể hiện số ô, số thửa mà nằm chung với thửa đất được thể hiện ghi là chữ “đồi” thửa đất này đã được thu hồi để thực hiện dự án sân Golf Đại Lải (Diện tích đất tranh chấp chưa được thu hồi nhưng nằm trong quy hoạch Sân Golf Đại Lải).

Căn cứ vào Điều 89 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai. Việc Chủ tịch UBND thành phố PY ban hành quyết định 1934/QĐ-CT ngày 24/8/2017 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị S với bà Nguyễn Thị T tại thôn Đ, xã NT, thị xã PY là đúng theo quy định của pháp luật, vì vậy Chủ tịch UBND thành phố PY không chấp nhận yêu cầu hủy quyết định trên và đính chính lại thông tin thửa đất, thông tin người sử dụng đất theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã NT là ông Lưu Văn C trình bày: Bà Trần Thị S không có giấy tờ, tài liệu gì chứng minh phần diện tích đất đang tranh chấp với bà T được giao cho gia đình bà, căn cứ vào hồ sơ, sổ sách địa phương quản lý, phần diện tích đất đang tranh chấp trên là đất đã được giao cho UBND xã NT quản lý. Do vậy, UBND xã NT không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

Anh Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Năm 1989 gia đình anh có khai hoang 01 thửa đất tại thôn Đầm, xã NT, thành phố PY, thửa đất nằm liền kề với thửa 251 gia đình anh đang quản lý sử dụng, sau khi khai hoang gia đình anh trồng cây keo và bạch đàn. Năm 2004 địa chính xã NT đo đạc lại thửa đất thì gia đình được biết thửa đất trên có diện tích là 517m², thửa đất này gia đình vẫn sử dụng ổn định từ năm 1989 đến nay việc bà Trần Thị S khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 1934/QĐ-CT ngày 24/8/2017 của Chủ tịch UBND thị xã PY về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị S với bà Nguyễn Thị T tại thôn Đ, xã NT, thị xã PY anh không đồng ý. Gia đình đề nghị Tòa án giữ nguyên quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố PY.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S về việc hủy Quyết định số 1934/QĐ-CT ngày 24/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố PY về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị S với bà Nguyễn Thị T tại thôn Đ, xã NT, thị xã PY và buộc Chủ tịch UBND thành phố PY đính chính lại thông tin thửa đất, thông tin người sử dụng đất cho bà trong hồ sơ địa chính đang được UBND xã NT và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố PY đang quản lý.

Bà Trần Thị S kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 1499/QĐ-VKS-HC của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã kháng nghị Bản án hành chính số 06/2018/HC –ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 51/2020/HC-PT ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Chấp nhận kháng cáo, kháng nghị. Hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC –ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2021/HC-ST ngày 01 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1934/QĐ-CT ngày 24/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố PY về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị S với bà Nguyễn Thị T tại thôn Đ, xã NT, thị xã PY và buộc Chủ tịch UBND thành phố PY đính chính lại thông tin thửa đất, thông tin người sử dụng đất cho bà trong hồ sơ địa chính đang được UBND xã NT và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố PY đang quản lý.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/10/2021, người khởi kiện là bà Trần Thị S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị S trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, từ đó bác yêu cầu khởi kiện của bà S là không đảm bảo quyền lợi của bà S. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm, để giao cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 24/8/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố PY ban hành Quyết định số 1934/QĐ-CT về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị S với bà Nguyễn Thị T tại thôn Đ, xã NT, thành phố PY. Ngày 22/10/2017, bà Trần Thị S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc hủy Quyết định số 1934/QĐ-CT ngày 24/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố PY; buộc Chủ tịch UBND thị xã PY đình chính lại thông tin thửa đất, thông tin người sử dụng đất là Trần Thị S trong hồ sơ địa chính thửa đất đang được UBND xã NT và Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã PY đang quản lý. Khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp đối với Quyết định số 1934/QĐ-CT ngày 24/8/2017:

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND thành phố PY ban hành Quyết định số 1934/QĐ-CT ngày 24/8/2017 giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị S với bà Nguyễn Thị T tại thôn Đ, xã NT, thành phố PY là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Về nguồn gốc đất diện tích đất tranh chấp: Diện tích 413,3m² tại thôn Đ, xã NT, thành phố PY đang tranh chấp giữa bà S với bà T có nguồn gốc là của Lâm trường Sóc Sơn, được Nhà nước giao cho Lâm trường Sóc Sơn để sản xuất và kinh doanh Lâm nghiệp trong thời gian tối thiểu là 30 năm, sau đó Lâm trường Sóc Sơn đã giao lại đất rừng cho cán bộ công nhân viên Lâm nghiệp thuộc tiểu khu trồng rừng Đại Lải, xã NT để phát triển kinh tế rừng.

Theo Sổ lâm bạ quốc doanh lâm nghiệp lập ngày 14/7/1989, hộ bà S được giao vị trí thửa đất số 13 không thể hiện giao cho hộ bà S bao nhiêu mét vuông đất. Ngày 08/10/1991, Lâm trường Sóc Sơn, thuộc Sở Nông lâm Hà Nội bàn giao toàn bộ khu đất rừng trên cho Sở Nông lâm nghiệp Vĩnh Phú quản lý tên trên nguyên tắc cơ sở giữ nguyên hiện trạng, nguyên canh, nguyên cư theo danh giới, lãnh thổ. Sở Nông lâm nghiệp Vĩnh Phú đã giao cho Xí nghiệp nông lâm nghiệp Mê Linh T80 khai thác quản lý sử dụng. Ngày 14/8/2003, Xí nghiệp nông lâm nghiệp Mê Linh T80 bàn giao cho UBND xã NT, quản lý.

Quá trình quản lý sử dụng đất ngày 29/3/2002 ông Trần Văn B (chồng bà S) đã chuyển nhượng phần diện tích đất được Lâm trường Sóc Sơn (sau này là Xí nghiệp nông lâm nghiệp Mê Linh T80) giao trồng chè cho ông Đỗ Hoàng T3 Tiến; trú tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, diện tích 2.533m² thuộc thửa số 314 tờ bản đồ số 163 tại thôn Đ, xã NT. Hợp đồng chuyển nhượng có xác nhận của UBND xã NT (có trích lục bản đồ kèm theo hợp đồng ghi diện tích 2.533m² và phía bên cạnh là đất được ghi là “Đồi”). Theo Đơn xin bán nhà và quyền sử dụng đất ngày 22/3/2002, thể hiện các cạnh của thửa đất là phía Đông giáp đất nhà bà Phúc; phía Bắc giáp đồi cây của xí nghiệp nông lâm nghiệp; phía Nam giáp nhà Thành; phía Tây giáp hồ Đại Lải. Theo bà S, ông B khi chuyển nhượng đất cho ông T3 thì gia đình ông bà có để lại một phần diện tích đất tiếp giáp với phần diện tích đất đồi cây của Xí nghiệp nông lâm nghiệp; không chuyển nhượng toàn bộ đất cho ông T3; phần đất để lại chính là phần diện tích đất đang tranh chấp với gia đình bà T đã được UBND thành phố PY giải quyết tại Quyết định 1934/QĐ-CT.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét tại chỗ đối với phần diện tích đất tranh chấp và phần đất bà S chuyển nhượng cho ông T3. Diện tích đã chuyển nhượng cho ông T3 đo đạc có diện tích là 3.772,7m², tăng so với diện tích trước đây chuyển nhượng là 1.239,7m² nay đã được cải tạo thành san lấp thành một thửa đất bằng phẳng không còn hiện trạng là đất đồi rừng như cũ. Diện tích tranh chấp theo chỉ dẫn của bà S đo đạc có diện tích là 397,5m² hiện không có lối đi vào mà phải đi qua nhà bà T mới sang được diện tích tranh chấp. Mặc dù diện tích đất chuyển nhượng cho ông T3 tăng hơn so với diện tích chuyển nhượng nhưng bà S thừa nhận trước đây không đo đạc nên nay mặc dù diện tích có tăng hơn nhưng bà vẫn công nhận phần đất đã chuyển nhượng cho ông T3 do đã có mốc giới cụ thể được xây bằng tường gạch, phần đất tranh chấp với bà T có giảm đi so với đo đạc trước đây là do sai số khi đo đạc.

Theo bà S, ông B thì chưa chuyển nhượng hết diện tích đất tại thửa 314, tờ bản đồ 163 cho ông T3; Hội đồng xét thấy: Đơn xin bán nhà và quyền sử dụng đất ngày 22/3/2002, thể hiện ông B, bà S chuyển nhượng cho ông T3 diện tích 2.533m² số thửa 314 tờ bản đồ số 163; có tứ cận: Phía Đông giáp đất nhà bà Phúc, phía Bắc giáp đồi cây của Xí nghiệp Nông lâm nghiệp, phía Nam giáp nhà Thành, phía Tây giáp hồ Đại Lải và không có phần diện tích nào thể hiện đất còn lại của gia đình bà S, ông B.

Quá trình giải quyết tranh chấp của UBND thành phố PY thể hiện tại Báo cáo số 81/BC-TNMT ngày 18/7/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố PY xác định: Hiện trạng thửa đất đang tranh chấp có một phần đất chồng lấn lên hộ bà T, ông T4, phần đất còn lại khoảng 413m² nằm trong Quyết định số 2911/QĐ-CT ngày 06/8/2003 về việc bàn giao diện tích đất của Xí nghiệp nông lâm nghiệp T80 cho UBND xã NT. Kiểm tra hồ sơ địa chính được đo vẽ năm 1998 tại vị trí đất đang tranh chấp thể hiện một phần diện tích đất khoảng 13,5m² nằm tại thửa 310, tờ bản đồ số 163 theo sổ mục kê quy chủ tên chủ sử dụng đất là Nguyễn

Thị T, một phần diện tích đất khoảng 5,2m² nằm tại thửa 311, tờ bản đồ số 163 theo sổ mục kê quy chủ sử dụng đất là Nguyễn Văn T4, phần còn lại không thể hiện số ô, số thửa mà nằm chung với thửa đất được thể hiện ghi là chữ “đồi” thửa đất này đã được thu hồi để thực hiện dự án sân Golf Đại Lải (Diện tích đất tranh chấp chưa được thu hồi nhưng nằm trong quy hoạch sân Golf Đại Lải) và do UBND xã NT đang quản lý.

Theo tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã NT xác định: Có sự khác nhau giữa tờ bản đồ số 163 và bản đồ dự án Đại Lải là do bản đồ 163 trong đó có thửa 314 được lập năm 1997 – 1998 còn bản đồ thu hồi để thực hiện Dự án lập năm 2003. Vì vậy, hiện trạng sử dụng có sự thay đổi về ranh giới giữa bản đồ lập năm năm 2003 và bản đồ lập năm 1997 – 1998. Bản đồ 163 được lập để quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn còn bản đồ Dự án để phục vụ cho việc thu hồi cho Dự án sân golf Đại Lải. Bản đồ địa chính năm 1998 xác định thửa 314, tờ bản đồ 163 có diện tích 2.533m² (thuộc đất của bà S). Phần diện tích đất theo bản đồ thu hồi đất dự án năm 2003 đã xác định cả phần đất “Đồi” không thuộc thửa đất 314 nên diện tích đất thu hồi là 4.670,3 m². Phần đất ghi chữ “Đồi” trong bản đồ 163 là phần đất do Xí nghiệp nông lâm nghiệp Mê Linh T80 quản lý sử dụng tại thời điểm năm 1998. Khi đó, phần đất ghi chữ “Đồi” trong bản đồ 163, Xí nghiệp nông lâm nghiệp Mê Linh T80 có trồng cây Bạch đàn, Keo. Do vậy, phần đất đang tranh chấp phần đất ghi chữ “Đồi” trên bản đồ 163 không được xác định là đã giao cho bà S.

Về hồ sơ giao nhận quyền sử dụng đất giữa Xí nghiệp nông lâm nghiệp Mê Linh T80 cho UBND xã NT được thể hiện tại Biên bản bàn giao diện tích đất của Xí nghiệp nông lâm nghiệp Mê Linh T80 cho UBND xã NT ngày 14/8/2003 và Quyết định số 2911/QĐ-CT ngày 06/8/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc bàn giao diện tích đất của Xí nghiệp nông lâm nghiệp Mê Linh T80 (Bút lục 185). Đồng thời đây cũng chính là văn bản chuyển quyền sử dụng đất giữa Xí nghiệp nông lâm nghiệp Mê Linh T80 cho UBND xã NT. Về hồ sơ địa chính thửa đất tranh chấp từ năm 1997 về trước địa phương không còn lưu giữ được tài liệu nên không có để cung cấp cho Tòa án.

Về số cây Bạch đàn, Keo được trồng trên phần đất tranh chấp bà S và bà T đều xác nhận do mình trồng; tuy nhiên, thực tế bà T đã khai thác hai lần bà S đều biết và không có ý kiến; do vậy, cần xác định gia đình bà T là người quản lý số cây trên đất tranh chấp trước thời điểm phát sinh tranh chấp. Như vậy, có căn cứ xác định diện tích đất gia đình bà S được Lâm trường Sóc Sơn giao tại thửa số 314, tờ bản đồ 163 đã được chuyển nhượng toàn bộ cho ông T3. Bà S, ông B căn cứ Bản đồ Dự án sân golf Đại Lải để xác định đất của gia đình bà có 4.670,3m² là không có cơ sở.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà S: Đề nghị hủy Quyết định số 1934/QĐ-CT ngày 24/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố PY và buộc Chủ tịch UBND thành phố PY đính chính lại thông tin thửa đất,

thông tin người sử dụng đất cho bà S trong hồ sơ địa chính đang được UBND xã NT và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố PY đang quản lý là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị S.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bà Trần Thị S không được chấp nhận, nên bà S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Do bà S là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị S; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2021/HC-ST ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Về án phí: Bà Trần Thị S không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA

Nguyễn Tất Nam

Hồ Sỹ Hưng

Lê Thị Thúy Bình

